

BÁO CÁO

Công khai hoạt động giáo dục trong nhà trường Năm học: 2026 – 2027

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Thực hiện công khai đối với các CSGD năm học 2026 - 2027.

Trường THCS Trần Quốc Toản đã thực hiện nghiêm túc các nội dung theo yêu cầu và thực hiện công tác công khai đầu năm học 2026 - 2027 như sau:

NỘI DUNG CÔNG KHAI

Mục 1. CÔNG KHAI CHUNG ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC

Điều 4. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (bao gồm tên bằng tiếng nước ngoài, nếu có): Trường THCS Trần Quốc Toản, xã Kiến Đức, tỉnh Lâm Đồng.

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

Trụ sở chính: Thôn Quảng Lợi, xã Kiến Đức, tỉnh Lâm Đồng.

Điện thoại: 0948.865.579.

Website: <http://c2tranquoctoan.edu.vn>.

Loại hình: Công lập.

Cơ quan chủ quản: UBND xã Kiến Đức, tỉnh Lâm Đồng.

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có).

Loại hình: Công lập.

Cơ quan chủ quản: UBND xã Kiến Đức, tỉnh Lâm Đồng.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

Trải qua quá trình xây dựng và phát triển, nhà trường đã từng bước lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng. Những năm gần đây, được sự chỉ đạo, quan tâm đầu tư của Sở GDĐT tỉnh Lâm Đồng, Đảng ủy, UBND xã Kiến Đức, Phòng VHXX,

sự phối hợp chặt chẽ và ủng hộ nhiệt tình của các ban ngành đoàn thể, Ban đại diện cha mẹ học sinh, với quyết tâm cao thầy và trò trường THCS Trần Quốc Toàn đã vượt qua khó khăn, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Quy mô trường lớp được giữ vững, chất lượng giáo dục của nhà trường ngày càng được nâng cao. Nhà trường luôn đi đúng đường lối lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh, thân thiện.

Cơ sở vật chất của nhà trường tương đối khang trang; đầy đủ phòng học, phòng chức năng; phòng bộ môn cơ bản đủ, có trang thiết bị đạt chuẩn; khu sân chơi, khu luyện tập TDTT đảm bảo việc phục vụ cho các hoạt động giáo dục của nhà trường theo quy định, đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay. Tổng quan nhà trường được bố trí, quy hoạch một cách khoa học, ngoài khu phục vụ học tập, nhà trường còn chú trọng sửa sang và tu bổ khuôn viên, tôn tạo cảnh quan đạt chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Sở GDĐT Lâm Đồng, Phòng VHXXH, thầy và trò trường THCS Trần Quốc Toàn không ngừng nỗ lực phấn đấu để xứng đáng với niềm tin của các cấp chính quyền và nhân dân trong toàn xã. Những năm gần đây chất lượng giáo dục nhà trường ngày càng được nâng lên. Trường có nhiều năm đạt danh hiệu: “Tập thể lao động tiên tiến” và được Chủ tịch UBND xã Kiến Đức tặng “Giấy khen”.

Tháng 12, năm 2022 nhà trường được được Sở GDĐT tỉnh Đắk Nông cấp giấy chứng nhận KĐCLGD đạt mức độ 2. Tháng 3, năm 2023 nhà trường được Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông công nhận trường học đạt chuẩn Quốc gia mức độ I.

Trong giai đoạn phát triển Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế hiện nay, giáo dục ngày càng có vai trò quan trọng trong việc đào tạo thế hệ người Việt Nam mới, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Điều này đòi hỏi nhà trường phải xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển đúng hướng, hợp quy luật, xu thế và xứng tầm thời đại, đồng thời phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của xã Kiến Đức. Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2025 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035 được xây dựng trên cơ sở kế thừa và phát huy kết quả nhà trường đã đạt được trong giai đoạn 2020 - 2025. Từ đó, xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển, là cơ sở quan trọng cho các quyết sách của Chi bộ và hoạt động của Ban giám hiệu cũng như toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường. Xây dựng và thực hiện hiệu quả kế hoạch chiến lược nhà trường giai đoạn 2025 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2035 sẽ góp phần quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi mục tiêu giáo dục nhà trường nói riêng, mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội địa phương nói chung.

4.1. Sứ mệnh: Tạo dựng môi trường học tập thân thiện, có kỷ cương, nề nếp, chất lượng giáo dục tốt, để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng và tư duy sáng tạo.

4.2. Tầm nhìn: Đến năm 2035, trường THCS Trần Quốc Toàn đạt kiểm định chất lượng Mức độ 3 và đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2. Chất lượng giáo dục toàn diện phát triển ổn định, là một trong những trường có uy tín, có chất lượng; là nơi để cha mẹ học sinh yên tâm gửi gắm con em học tập và rèn luyện.

4.3. Mục tiêu

4.3.1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng nhà trường có chất lượng giáo dục cao, vừa đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực phục vụ công hóa, hiện đại hóa đất nước, góp phần đáp ứng yêu cầu phát triển con người Việt nam toàn diện về Đức, Trí, Thể, Mỹ, hướng tới “công dân toàn cầu”.

4.3.2. Các mục tiêu cụ thể

- Xây dựng đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, về cơ cấu, có phẩm chất đạo đức tốt, có lòng yêu nghề và năng lực sư phạm, đáp ứng yêu cầu dạy học theo chương trình và phương pháp mới.

- Thực hiện tốt chức năng quản lý giáo dục. Đổi mới công tác quản lý giáo dục phù hợp với việc đổi mới chương trình giáo dục.

- Nâng cấp cơ sở vật chất và thiết bị dạy học theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa tương ứng với yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học. Tích cực đưa công nghệ thông tin vào quá trình dạy học.

- Đến 2035, trường có cơ sở vật chất tiên tiến, hiện đại, kiểm định chất lượng mức độ 3 và đạt Chuẩn quốc gia mức độ 2.

Mục tiêu: Chất lượng giáo dục:

a) Về năng lực

Tổng số học sinh	Tự chủ và tự học		Giao tiếp và hợp tác		Giải quyết vấn đề và sáng tạo		Ngôn ngữ	
	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt
1077	814	265	901	176	814	265	1077	00
Tỉ lệ %	75,4	24,6	83,5	16,5	75,4	24,6	100	00

Năng lực đặc thù											
Toán học		Khoa học		Công nghệ		Tin học		Thẩm mỹ		Thể chất	
Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt
814	265	814	265	901	176	901	176	901	176	901	176

75,4	24,6	75,4	24,6	83,5	16,5	83,5	16,5	83,5	16,5	83,5	16,5
------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------

b) Về phẩm chất

Tổng số học sinh	Yêu nước		Nhân ái		Chăm chỉ		Trung thực		Trách nhiệm	
	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt	Tốt	Đạt
1077	1079	00	1077	00	901	176	1077	00	901	176
Tỉ lệ	100	00	100	00	83,5	16,5	100	00	83,5	16,5

c) Kết quả rèn luyện

Tốt: 85%; Khá: 13%; Đạt: 2%; Chưa đạt: 0%.

d) Kết quả học tập

+ Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét:

Đạt: 99%; Chưa đạt: 1%.

+ Đối với môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số:

Tốt: 10%, Khá: 35%, Đạt: 50%, Chưa đạt: 5%.

e) Tham gia các cuộc thi, hội thi

- Tham gia cuộc thi KHKT: đạt 03 sản phẩm cấp xã.

- Tham gia cuộc thi Sáng tạo TTNNĐ (nếu có tổ chức): đạt 03 sản phẩm cấp xã.

g) Tỉ lệ hoàn thành chương trình GDTHCS: 100%.

h) Duy trì sĩ số: từ 98% trở lên.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

- Trường THCS Trần Quốc Toàn được thành lập ngày 28 tháng 9 năm 1998, mang tên là Trường THCS Trần Quốc Toàn với 10 lớp, 305 học sinh.

- Năm học 2026 - 2027, trường có 28 lớp với 59 viên chức, người lao động và 1077 học sinh.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ

Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ: Ông Bùi Nguyên Khánh.

Chức vụ: Hiệu trưởng.

Địa chỉ nơi làm việc: Trường THCS Trần Quốc Toàn, thôn Quảng Thuận, xã Kiến Đức, tỉnh Lâm Đồng.

Phân hiệu: Thôn Quảng Lộc, xã Kiến Đức, tỉnh Lâm Đồng.

Số điện thoại: 0948.865.579. Email: nguyenkhanhdaknong@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

7.1. Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục

Trường THCS Trần Quốc Toàn được thành lập theo Quyết định số 77/TC-CB, ngày 28/9/1998 của Sở GDĐT tỉnh Đắk Lắk gồm 10 lớp với 305 học sinh.

7.2. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Trường không có Hội đồng trường.

7.3. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục

- Hiệu trưởng: Bùi Nguyên Khánh

+ Ngày tháng năm sinh: 18/8/1980.

+ Bổ nhiệm giữ chức vụ Hiệu trưởng trường THCS Trần Quốc Toàn theo Quyết định số 2006/QĐ-UBND, ngày 27/8/2026 của Chủ tịch UBND xã Kiến Đức.

+ Thời gian làm việc của Hiệu trưởng tại trường THCS Trần Quốc Toàn đến nay: 01 năm.

- Phó Hiệu trưởng: Nguyễn Văn Bường; Lê Thị Lượng.

7.4. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

7.4.1. Cơ chế hoạt động của trường THCS Trần Quốc Toàn

- Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

- Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

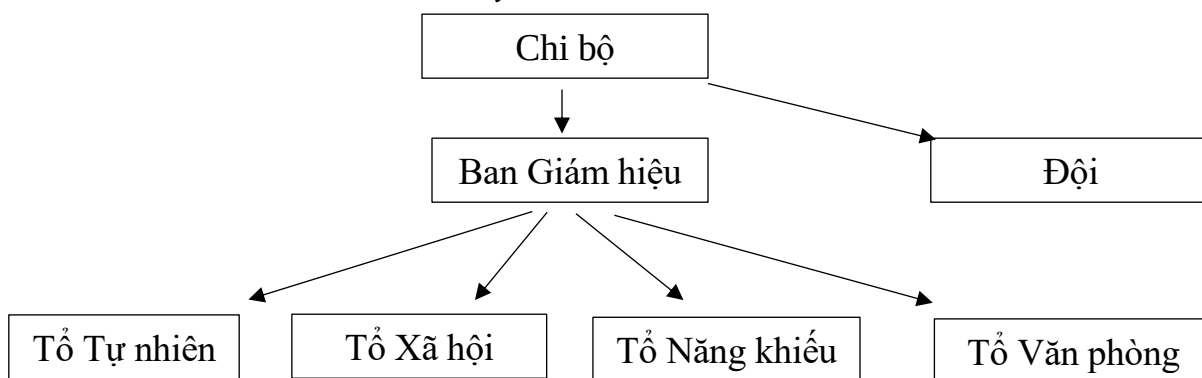
- Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

- Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

Nhà trường thực hiện theo Quy chế làm việc được ban hành theo Quyết định số: 21/QĐ-THCSTQT, ngày 12/10/2026 của Hiệu trưởng trường THCS Trần Quốc Toàn.

Quy chế thực hiện dân chủ trong các hoạt động nhà trường năm học 2026-2027 Ban hành kèm theo Quyết định số 22/QĐ-THCSTQT, ngày 12/10/2026 của Hiệu trưởng trường THCS Trần Quốc Toàn.

7.4.2. Sơ đồ tổ chức bộ máy:



7.5. Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);

Trường THCS Trần Quốc Toàn được thành lập theo Quyết định số 1998/QĐ-UBND, ngày 27/8/2026 trên cơ sở sáp nhập trường THCS Trần Quốc Toàn và trường THCS Võ Văn Kiệt của UBND xã Kiến Đức, tỉnh Lâm Đồng gồm 28 lớp với 1077 học sinh.

7.6. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).

Họ tên: Bùi Nguyên Khánh.

Chức vụ: Hiệu trưởng.

Địa chỉ nơi làm việc: Trường THCS Trần Quốc Toàn, thôn Quảng Thuận, xã Kiến Đức, tỉnh Lâm Đồng.

Số điện thoại: 0948.865.579. Email: nguyenkhanhdaknong@gmail.com

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và

thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

- Kế hoạch, chiến lược phát triển của trường;
- Quy chế dân chủ ở cơ sở của trường;
- Quy chế làm việc của trường;
- Quy chế chi tiêu nội bộ.
- Các nghị quyết khác

Điều 5. Thu, chi tài chính

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

1.1. Các khoản thu, chi phân theo Nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước năm 2026. Các khoản thu, chi phân theo Nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước. Thu, chi học phí năm học 2025 - 2026.

Đơn vị: Đồng.

TT	Nội dung	Số tiền		
		Thu	Chi ngân sách	Chi học phí
1	Nguồn ngân sách cấp	15.073.216.682	12.364.895.020	2.708.321.662
2	Nguồn Học phí	467.606.774	141.240.000	326.366.774
Cộng phần thu		15.504.823.456	12.506.135.020	3.034.688.435
1	Chi Lương theo ngạch bậc		6.080.820.340	
2	Chi tiền công trả cho HĐLĐ		120.000.000	
3	Chi PC lương		3.295.589.773	
4	Chi chế độ học sinh		27.860.000	
5	Chi tiền thưởng thường xuyên		698.377.000	
6	Chi phúc lợi tập thể		314.406.210	

7	Chi các khoản đóng góp (BH, KPCĐ)		1.495.818.006	
8	Chi thanh toán khác cho cá nhân		23.072.400	
9	Chi thanh toán dịch vụ công cộng (điện)		31.603.885	
10	Chi hàng hóa vật tư văn phòng		76.869.718	
11	Chi Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		35.698.644	
12	Chi công tác phí		107.650.000	
13	Chi phí thuê mướn		27.000.000	
14	Chi sửa chữa, duy tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng		11.560.000	
15	Chi mua sắm phần mềm bảo trì phần mềm CNTT		30.000.000	
16	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn		64.300.712	
17	Chi khác		16.467.000	
18	Chi cấp bù học phí cho cơ sở GDĐT theo chế độ theo NĐ		266.250.000	

	238/2025/NĐ-CP			
Cộng phần chi				

1.2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học 2025 - 2026 và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển

a) Tại điểm chính

TT	Nội dung	Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9
1	Tiền BHYT (Thời hạn từ 01/01/2026 đến 31/12/2026)	105.763.000	95.528.000	115.429.000	93.822.000

b) Tại phân hiệu

TT	Nội dung	Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9
1	Tiền BHYT (Thời hạn từ 01/01/2026 đến 31/12/2026)	31.842.720	30.705.480	35.823.060	36.391.680

2. Năm học 2026 - 2027

2.1. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

a) Tại điểm chính

TT	Nội dung	Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9
Các khoản thu theo quy định					
1	Tiền phục vụ công tác vệ sinh cho học sinh (100.000 đ/năm)				
Tổng thu					
Các khoản thu thỏa thuận theo TT16					

1	Không thực hiện				
Tổng thu					

b) Tại phân hiệu

TT	Nội dung	Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9
Các khoản thu theo quy định					
1	Tiền phục vụ công tác vệ sinh cho học sinh(150.000 đ/năm)				
Tổng thu					
Các khoản thu thỏa thuận theo TT16					
1	Không thực hiện				
Tổng thu					

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học:

Miễn, giảm học phí thực hiện theo Quy định hiện hành.

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có):

Quỹ chăm sóc sức khỏe ban đầu: 76.910.000 đ.

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở: Công khai hàng tháng trong các cuộc họp Hội đồng sư phạm nhà trường.

Điều 8. Điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục phổ thông **Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên, Cán bộ quản lý**

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

Stt	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo		
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn
Hiệu trưởng	01				01	

Phó Hiệu trưởng	02	01			02	
TPT Đội	01		01		01	
Giáo viên	51	31		01	50	
Nhân viên	04	03			04	
Hợp đồng	01	01			01	
Tổng	60	36	01	01	59	

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp; Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

TT	Nội dung	Tổng số	Hạng chức danh			Chuẩn nghề nghiệp			
			Hạng I	Hạng II	Hạng III	XS	Khá	TB	CD
I	Giáo viên								
1	Toán	07		06	01		07		
2	Lí	04		03	01		04		
3	Hoá	04		04			04		
4	Sinh	04		03	01		04		
5	Tin học	02		01	01		02		
6	Văn	08		05	03		08		
7	Sử	03		02	01		03		
8	Địa	04		02	02		04		
9	GD CD	02			02		02		
10	Ngoại ngữ	06		05	01		06		
11	Âm nhạc	02		02			02		
12	MT	02		01	01		02		
13	GD TC	03		03			03		

II	CBQL								
1	HT	01		01			01		
2	Phó HT	02		02			02		
III	Nhân viên								
1	Văn thư	01			01		01		
2	Kế toán	01			01		01		
3	Thiết bị	01		01			01		
4	Y tế	01			01		01		

2. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung

2.1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

a) Điểm chính

- Diện tích khu đất xây dựng trường 23.160 m².
- Diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh 28 m² : Đạt yêu cầu.

b) Phân hiệu

- Diện tích khu đất xây dựng trường 6000 m².
- Diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh 25,6 m² : Đạt yêu cầu.

2.2. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

TT	Nội dung	Số lượng	Diện tích	Bình quân
I	Phòng học	19		
1	Phòng học kiên cố	16		
2	Phòng học bán kiên cố	03		
3	Phòng học tạm	0		
4	Phòng học bộ môn	05		
5	Bình quân lớp học/phòng	02/01		
6	Bình quân học sinh/lớp	1077/28		38,5 hs/lớp

II	Tổng diện tích đất	29.160 m ²		27 m ² /hs
III	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập	7000 m ²		6,5 m ² /hs
IV	Các phòng			
1	Phòng học	19	912 m ²	0,85 m ² /hs
2	Phòng học bộ môn	05	240 m ²	
3	Thư viện	02	96 m ²	
4	Nhà tập đa năng	01	300 m ²	
5	Phòng Đội	01	48 m ²	
6	Phòng truyền thống, văn phòng	02	96 m ²	
7	Phòng BGH	03	36 m ²	
8	Phòng VT, KT, Y tế	02	48 m ²	
V	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	01		
1	Khối 6	01		
2	Khối 7	0		
3	Khối 8	0		
4	Khối 9	0		
VI	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập	30 bộ		
VII	Tổng số thiết bị dùng chung khác			
1	Ti vi	22 cái		
2	Máy chiếu	02 bộ		

2.3. Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Bộ môn KHTN (Hóa): 25% , KHTN(Sinh): 25%, KHTN(Lý, Toán): 25 %, Công nghệ 25%; Đảm bảo đủ điều kiện học tập tối thiểu.

2.4. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Danh mục sách thực hiện theo Quyết định số 3588/QĐ-BGDĐT ngày 26/12/2025 về việc chọn bộ sách giáo khoa giáo dục phổ thông sử dụng thống nhất trên toàn quốc

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

- Đánh giá các tiêu chí theo kiểm định chất lượng:

+ Đánh giá tiêu chí mức 1, 2 và 3.

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	
Tiêu chí 1.2		X	X	✓
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	
Tiêu chí 1.5		X	X	X
Tiêu chí 1.6		X	X	
Tiêu chí 1.7		X	X	✓
Tiêu chí 1.8		X	X	✓
Tiêu chí 1.9		X	X	✓
Tiêu chí 1.10		X	X	✓
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	

Tiêu chí 2.2		X	X	
Tiêu chí 2.3		X	X	
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	✓
Tiêu chí 3.5		X	X	
Tiêu chí 3.6		X	X	X
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	X
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	✓
Tiêu chí 5.4		X	X	✓
Tiêu chí 5.5		X	X	
Tiêu chí 5.6		X	X	

Kết quả: Đạt Mức 2

+ Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1		X	
Tiêu chí 2		X	

Tiêu chí 3		X	
Tiêu chí 4		X	
Tiêu chí 5		X	
Tiêu chí 6		X	

Kết quả: Không đạt Mức 4

Kết luận: Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục: Đạt mức 2

Đánh giá theo Chuẩn quốc gia: Trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1

- Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian: Trường đạt KĐCLGD cấp độ 2 năm 2022; đạt chuẩn quốc gia năm 2023; Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm. (chưa đánh giá)

Điều 9. Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục phổ thông

Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học:

- Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan:

1. Chỉ tiêu tuyển sinh: 270 học sinh (07 lớp 6)

Hồ sơ tuyển sinh

- Đơn xin dự tuyển (theo mẫu do các Hội đồng tuyển sinh quy định);
- Bản sao giấy khai sinh hợp lệ;
- Học bạ cấp tiểu học.

2. Phương thức và đối tượng tuyển sinh

- Xét tuyển
- Đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã hoàn thành chương trình Tiểu học.

- Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục số 44/KH-THCSTQT ngày 12/10/2026 của trường THCS Trần Quốc Toàn, đăng tải trên website: <http://c2tranquoctoan.edu.vn>.

- Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt tập thể cho học sinh ở cơ sở giáo dục: (Có kế hoạch riêng kèm theo)

Thời gian	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian	Người thực hiện	Lực lượng cùng	Số tiết thực hiện
-----------	----------	--------------------	-------------------	-----------	-----------------	----------------	-------------------

				thực hiện (ngày)		tham gia	
Tháng 10	An toàn giao thông và phòng chống ma túy học đường	Tuyên truyền việc chấp hành đúng Luật Giao thông đường bộ, Cảnh giác đề phòng tệ nạn ma túy	Học sinh đóng hoạt cảnh, kịch về ATGT, Ma túy học đường	14/10	BGH TPT	GVCN, GV GD CD,	6 Tiết
Tháng 11	Trường em sạch đẹp, an toàn	Vệ sinh trường lớp, trồng chăm sóc bồn hoa cây cảnh	Thu gom và tái chế rác thải nhựa thành vật dụng. Học sinh tự trồng hoa và chăm sóc	17,18/11	BGH TPT GVCN	GV sinh học, Hóa học, GVCN	6 Tiết
Tháng 12	Uống nước nhớ nguồn	Tổ chức hoạt động trải nghiệm: Nghe nói chuyện truyền thống tìm hiểu về ngày thành lập Quân đội NDVN	Học sinh khối 6, 7	20, 21/12	Mời CT CCB của xã	BGH, Đoàn TN, GV, HS	6 Tiết
Tháng 01	Ngày hội bánh chưng xanh	Học sinh trải nghiệm cách gói bánh chưng, nghe nói chuyện về ý nghĩa của ngày hội	Tổ chức gói bánh chưng tại trường, hướng dẫn học sinh cách gói bánh chưng	18/01	Đoàn TN, TPT đội, GVCN	BGH, GVCN, GV, NV toàn trường	6 Tiết
Tháng 04	Ngày hội đọc sách	Thi kể chuyện theo sách, thi xếp sách theo mô hình.	Thành lập đội thi giữa các lớp	15,16/4			6 tiết

Tháng 05	Công chiêng Tây Nguyên	Tìm hiểu về không gia văn hóa Công chiêng	Thăm quan nhà rông, quan sát nghệ nhân đánh công chiêng, tập đánh công chiêng	06,07/5	Giáo viên âm nhạc	GVCN, TPT, HS	5 tiết
Tổng số tiết							35 tiết

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

Khối lớp	Số lớp, số học sinh				
	Số lớp	Số học sinh			
		Tổng số	Nữ	Dân tộc thiểu số	Nữ dân tộc thiểu số
6	7	267	134	19	11
7	7	273	148	16	12
8	7	248	127	19	15
9	7	289	139	14	6
Tổng	28	1077	548	68	44

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;

- Chất lượng hai mặt giáo dục:

+ Học tập:

	Tổng số	Tỷ lệ %	KHỐI 6		KHỐI 7		KHỐI 8		KHỐI 9	
			Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Tổng số HS xếp loại	1063	100	278	100	246	100	290	100	249	100.00

theo học tập										
- Tốt	120	11.29	33	11.87	22	8.94	29	10.00	36	14.46
- Khá	371	34.90	91	32.73	87	35.37	80	27.59	113	45.38
- Đạt	559	52.59	144	51.80	137	55.69	178	61.38	100	40.16
- Chưa đạt	13	1.22	10	3.06	0	0	3	1.03	0	0.00

+) Rèn luyện:

	Tổng số	Tỷ lệ %	KHỐI 6		KHỐI 7		KHỐI 8		KHỐI 9	
			Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Tổng số HS xếp loại theo rèn luyện	1063	100	278	19	246	100	290	100	249	100
- Tốt	891	83.82	227	81.65	211	85.77	231	79.66	222	89.16
- Khá	147	13.83	41	14.75	31	12.60	50	17.24	25	10.04
- Đạt	25	2.53	10	3.60	0	0.00	9	3.10	2	0.80
- Chưa đạt	0	0.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00	0	0.00

- Kết quả thực hiện các hoạt động chuyên môn.

+ Số chuyên đề đã thực hiện: 12.

+ Số ngoại khóa đã thực hiện: 04 lần

- Giáo viên dự thi đạt giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh: 32.

- Kết quả kiểm tra hồ sơ: 20 bộ (Xếp loại Tốt: 18; Khá: 02).

- Kết quả kiểm tra nội bộ: 15 GV (Trong đó xếp loại Tốt: 11, Khá: 01).

- Kết quả các hội thi:

+ Kết quả thi KHKT: 02 giải cấp xã.

+ Thi Hội thao học sinh: 01 HCV; 03 HCB; 04 HCD.

+ Hội thao Giáo viên: 03 HCB; 02 HCD

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông.

- Học sinh Hoàn thành chương trình THCS: 249/249 em, đạt tỉ lệ 100 %.

Trên đây là Báo cáo công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm học 2025 - 2026 đến đầu năm học 2026 - 2027 của trường THCS Trần Quốc Toản./.

Nơi nhận:

- Phòng VHXH (thay báo cáo);
- Toàn thể CB, GV, NV trường (biết);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Bùi Nguyên Khánh